CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2012 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2012

Tháng 8 năm 2012

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Bình	Chủ tịch
Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoành	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Khắc Hoành	Tổng Giám đốc
Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trương Khắc Hoành
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited
Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2977/2012/BCSX - IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 08 năm 2012 từ trang 4 đến trang 18 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

M.S.D.N: 0101177123 - C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ ★ Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV
Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Lương Xuân Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1741/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**232.075.208.692**	**138.494.867.107**
I. Tiền và tương đương tiền	**110**	**V.1**	**54.584.792.773**	**35.418.679.976**
1. Tiền	111		54.584.792.773	5.418.679.976
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2**	**101.535.431.302**	**41.795.322.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		111.987.380.973	52.343.408.703
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10.451.949.671)	(10.548.086.703)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**72.496.005.277**	**60.964.071.863**
1. Phải thu khách hàng	131		319.206.235	319.206.235
2. Trả trước cho người bán	132		1.223.721.060	201.723.646
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	70.992.387.217	60.482.451.217
6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	139		(39.309.235)	(39.309.235)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.4**	**2.006.256.704**	**136.916.860**
1. Hàng tồn kho	141		2.006.256.704	136.916.860
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.452.722.636**	**179.876.408**
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.324.580.566	164.876.408
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		128.142.070	15.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**690.575.717.617**	**699.376.404.456**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**159.536.905**	**159.536.905**
4. Các khoản phải thu dài hạn khác	218	V.5	159.536.905	159.536.905
II. Tài sản cố định	**220**		**774.856.905**	**870.333.271**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	774.856.905	870.333.271
- Nguyên giá	222		1.111.409.751	1.111.409.751
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(336.552.846)	(241.076.480)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.7**	**670.846.142.857**	**690.054.033.333**
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.550.000.000	2.550.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		84.079.369.999	84.079.369.999
3. Đầu tư dài hạn khác	258		584.216.772.858	603.424.663.334
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**18.795.180.950**	**8.292.500.947**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	18.795.180.950	8.292.500.947
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**922.650.926.309**	**837.871.271.563**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**473.032.090.821**	**391.075.281.082**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**412.732.090.822**	**330.775.281.083**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	24.290.608.621	14.100.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.10	249.257.179.122	247.123.947.392
3. Người mua trả tiền trước	313		110.000.000	110.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	20.940.059	17.520.559
6. Chi phí phải trả	316		811.580.001	940.266.667
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	138.210.065.459	68.436.828.905
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		31.717.560	46.717.560
II. Nợ dài hạn	**330**		**60.299.999.999**	**60.299.999.999**
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	60.299.999.999	60.299.999.999
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**V.14**	**449.618.835.488**	**446.795.990.481**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**449.618.835.488**	**446.795.990.481**
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		49.618.835.488	46.795.990.481
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**922.650.926.309**	**837.871.271.563**

Trương Khắc Hoành
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2012

Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	-	**313.636.364**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		-	**313.636.364**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	254.763.618
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		-	**58.872.746**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.716.269.806	22.781.615.886
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.512.204.465	14.035.475.720
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*19.840.673.909*	*9.153.441.548*
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.381.220.334	1.060.565.595
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**2.822.845.007**	**7.744.447.317**
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	**40**		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**2.822.845.007**	**7.744.447.317**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**2.822.845.007**	**7.744.447.317**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	71	194

S.Đ.K.K.D: 0303476454 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Trương Khắc Hoành
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	-	214.924.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(24.625.610.683)	(22.800.505.066)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(643.879.417)	(466.065.417)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.173.080.934)	(11.887.787.035)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(620.558.508)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	89.889.372.002	59.620.028.156
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(11.382.291.015)	(1.932.542.462)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***46.064.509.953***	***22.127.493.668***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(80.130.420.602)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	41.699.131.865	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.532.891.581	959.914.112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(26.898.397.156)***	***959.914.112***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.000.000.000	23.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.000.000.000)	(18.500.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(27.005.037.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***-***	***(22.505.037.500)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**19.166.112.797**	**582.370.280**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**35.418.679.976**	**10.910.019.123**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**54.584.792.773**	**11.492.389.403**

Trương Khắc Hoành
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002620 ngày 27 tháng 08 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 21 tháng 05 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, được chia thành 40.000.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 7 (năm 2011 là 7).

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không sản xuất tại trụ sở);
- Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải;
- Bán buôn thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch – nước thải. Bán buôn vật tư-thiết bị-phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp);
- Nuôi trồng thủy sản nước lợ - nước ngọt và sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng;
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp;
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính);
- Giám sát thi công công trình;
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu tư ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng), ký hiệu quốc tế là VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh tại đơn vị.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm giá trị của dịch vụ cung cấp dở dang cho khách hàng được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí lao động trực tiếp và chi phí khác liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị của dịch vụ cung cấp dở dang được xác định dựa trên tỷ lệ sản lượng được ghi nhận của chi phí thực tế phát sinh liên quan đến cung cấp dịch vụ. Tỷ lệ sản lượng được tính dựa trên sản lượng đã ghi nhận thực tế và tổng sản lượng giá trị hợp đồng đã thực hiện.

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành. Cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp theo giá gốc. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty con được lập trên cơ sở hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tại ngày 30/06/2012, Công ty có một (1) Công ty con là Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Enviro, trong đó Công ty nắm giữ 85% Vốn điều lệ của Công ty con (Vốn điều lệ và vốn thực tế đến ngày 30/06/2012 của Công ty con là 3 tỷ đồng), tương ứng 85% tỷ lệ quyền biểu quyết vào Công ty con.

Tại ngày 30/06/2012, Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu	48,19%	48,19%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	26,00%	26,00%

Các khoản đầu tư chứng khoán: Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đầu tư xây dựng, hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay".

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay (Tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư và góp vốn vào các dự án Công ty tham gia được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí tài chính theo thời gian hoạt động của dự án khi các dự án này có doanh thu.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

7. Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và số vốn được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế trong quá trình hoạt động.

Lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi đầu tư chứng khoán, lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về cổ tức, lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

9. Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo qui định hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	373.318.365	415.218.168
Tiền gửi ngân hàng	9.265.765.408	5.003.461.808
Tiền đang chuyển	44.945.709.000	-
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
Cộng	**54.584.792.773**	**35.418.679.976**

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:		**111.987.380.973**		**52.343.408.703**
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	318.710	22.052.993.671	214.100	18.654.724.026
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	3.469.000	89.934.387.302	1.450.270	33.688.684.677
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		**(10.451.949.671)**		**(10.548.086.703)**
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy		10.451.949.671		(10.548.086.703)
Cộng		**101.535.431.302**		**41.795.322.000**

3. Các khoản phải thu khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	55.992.387.217	55.482.451.217
- Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia: Dự án Cao ốc 70 Lữ Gia	*12.882.216.017*	*12.882.216.017*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cầu đường Bình Triệu	*6.747.000.000*	*6.747.000.000*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	*36.363.171.200*	*35.853.235.200*
Phải thu khác	15.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	**70.992.387.217**	**60.482.451.217**

4. Hàng tồn kho

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	377.824.508	136.916.860
Hàng hoá	1.628.432.196	-
Cộng	**2.006.256.704**	**136.916.860**

5. Các khoản phải thu dài hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	159.536.905	159.536.905

6. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	1.056.624.916	54.784.835	1.111.409.751
Tại ngày 30/06/2012	**1.056.624.916**	**54.784.835**	**1.111.409.751**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	220.130.190	20.946.290	241.076.480
Trích khấu hao trong kỳ	88.052.076	7.424.290	95.476.366
Tại ngày 30/06/2012	**308.182.266**	**28.370.580**	**336.552.846**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	**836.494.726**	**33.838.545**	**870.333.271**
Tại ngày 30/06/2012	**748.442.650**	**26.414.255**	**774.856.905**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2012 là 10.239.090 đồng.

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
a - Đầu tư vào công ty con		**2.550.000.000**		**2.550.000.000,00**
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	255.000	2.550.000.000	255.000	2.550.000.000
b - Đầu tư vào công ty liên kết		**84.079.369.999**		**84.079.369.999**
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cầu đường Bình Triệu	3.373.500	47.434.620.000	3.373.500	47.434.620.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		36.644.749.999		36.644.749.999
c - Đầu tư dài hạn khác		**584.216.772.858**		**603.424.663.334**
- Đầu tư cổ phiếu:		**32.120.000.000**		**32.120.000.000**
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Xây dựng	1.442.000	32.120.000.000	1.442.000	32.120.000.000
- Đầu tư dài hạn khác:		**552.096.772.858**		**571.304.663.334**
Dự án Xây dựng khu căn hộ cao tầng Diamond Reverside tại phường 16, quận 8, Tp.HCM		398.369.280.000		398.369.280.000
Dự án Cao ốc 70 Lữ Gia		39.000.000.000		39.000.000.000
Dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông trạm Kinh Dương Vương và trạm Xa Lộ Hà Nội		114.727.492.858		133.935.383.334
Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn		**670.846.142.857**		**690.054.033.333**

8. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí lãi vay đầu tư vào các dự án chờ phân bổ	18.709.063.460	8.165.142.358
Chi phí chờ phân bổ khác	86.117.490	127.358.589
Cộng	**18.795.180.950**	**8.292.500.947**

9. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn (*)	**10.190.608.621**	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)	10.190.608.621	-
Vay dài hạn đến hạn trả (**)	**14.100.000.000**	**14.100.000.000**
Cộng	**24.290.608.621**	**14.100.000.000**

(*) Khoản vay theo Hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán Số 0605560/1/12/HĐ GDKQ/HSC/IS HCM ngày 26/03/2012. Mục đích vay là để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán tại HSC, thời gian tối đa là 03 tháng cho từng lần vay (nếu HSC không có thông báo yêu cầu thanh lý hợp đồng thì thời gian tự động gia hạn thêm 03 tháng nữa). Lãi suất thay đổi theo quyết định đơn phương của HSC phù hợp mức lãi suất vay của pháp luật và tính trên số gốc dư nợ hiện tại (kể cả dư nợ phát sinh trước thời điểm thay đổi). Mức lãi suất thay đổi này được công bố tại thời điểm thay đổi, niêm yết trên các sàn giao dịch của HSC.

(**) Đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả, khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) - Sở Giao Dịch I (xem thuyết minh V.13).

10. Phải trả người bán

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	243.276.388.495	241.801.299.166
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	5.310.648.226	5.310.648.226
Phải trả người bán khác	670.142.401	12.000.000
Cộng	**249.257.179.122**	**247.123.947.392**

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.392	41.392
Thuế thu nhập cá nhân	20.898.667	17.479.167
Cộng	**20.940.059**	**17.520.559**

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Bảo hiểm xã hội	16.346	2.666.346
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	138.210.049.113	68.434.162.559
Cộng	**138.210.065.459**	**68.436.828.905**

13. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) - Sở Giao Dịch I	60.299.999.999	60.299.999.999

Đây là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201004865 ngày 31/08/2010. Thời hạn vay là 05 năm, không có thời gian ân hạn. Thời hạn vay được tính kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Trả nợ gốc định kỳ mỗi năm một lần. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam (VND) là theo lãi suất Eximbank công bố tại thời điểm giải ngân . Hạn mức vay là 150.000.000.000 VND, khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị các hợp đồng của các Dự án mà Công ty đang thực hiện với tổng số tiền là: 835.531.900.000 VND theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 450/EIBSGD1-TDDN/TCTS/2010 ngày 31/08/2010. Mục đích vay là để đầu tư cho các Dự án: bổ sung góp vốn đầu tư và mua cổ phần các Dự án mà Công ty đang thực hiện.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Trong vòng một năm	14.100.000.000	14.100.000.000
Trong năm thứ hai	20.100.000.000	20.100.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	40.199.999.999	40.199.999.999
Sau năm năm	-	-
	74.399.999.999	**74.399.999.999**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	14.100.000.000	14.100.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	**60.299.999.999**	**60.299.999.999**

14. Vốn chủ sở hữu

a. ***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	**400.000.000.000**	**28.135.717.560**	**428.135.717.560**
Lãi trong năm trước	-	46.760.990.481	46.760.990.481
Chia cổ tức năm 2010	-	27.965.000.000	27.965.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	135.717.560	135.717.560
Số dư tại ngày 01/01/2012	**400.000.000.000**	**46.795.990.481**	**446.795.990.481**
Lãi trong kỳ	-	2.822.845.007	2.822.845.007
Số dư tại ngày 30/06/2012	**400.000.000.000**	**49.618.835.488**	**449.618.835.488**

14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/06/2012 Cổ phần	01/01/2012 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000

Mệnh giá một cổ phiếu là 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	*313.636.364*
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động giám sát, thẩm tra công trình	-	313.636.364
Cộng: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	**313.636.364**
Các khoản giảm trừ:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	**313.636.364**

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn của hoạt động giám sát, thẩm tra công trình	-	254.763.618
Cộng	-	**254.763.618**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	261.769.701	30.059.446
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.033.922.970	22.751.556.440
Lãi từ đầu tư chứng khoán	3.420.577.135	-
Cộng	**24.716.269.806**	**22.781.615.886**

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền vay	19.840.673.909	9.153.441.548
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(96.137.032)	4.882.034.172
Khác	767.667.588	-
Cộng	**20.512.204.465**	**14.035.475.720**

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	**2.822.845.007**	**7.744.447.317**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	*21.033.922.970*	*10.869.340.423*
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	**(18.211.077.963)**	**(3.124.893.106)**
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
Thuế TNDN còn phải nộp	-	-

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.822.845.007	7.744.447.317
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**71**	**194**

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan

Phải thu các Công ty Con, Công ty liên kết

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khoản hỗ trợ vốn cho Công ty con - Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Enviro	15.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu Cổ tức từ Công ty liên kết - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu	6.747.000.000	6.747.000.000
Cộng	**21.747.000.000**	**11.747.000.000**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lương	483.666.669	353.666.669
Tiền thưởng	5.000.000	5.000.000
Cộng	**488.666.669**	**358.666.669**

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 19/2012/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 8 năm 2012 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận và đã được thông báo đến Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh để niêm yết 40.000.000 cổ phiếu của Công ty.

Trương Khắc Hoành
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng